

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 223/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2025, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1997 (CCCD số: 093197001130 cấp ngày 01/4/2022); thường trú: ấp N, xã T, Thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên hệ: Khu chế xuất L, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: anh Mai Thế Đ, sinh năm 1991 (CCCD số: 087091010252 cấp ngày 16/9/2022); thường trú: ấp C, phường M, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: số E đường B, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Mai Thế Đ tự nguyện yêu nhau và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy đăng ký kết hôn số 10 ngày 04 tháng 5 năm 2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2024 đến nay, hiện tại tình cảm không còn, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Mai Thế Đ nhưng bị đơn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến, hoặc nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Đồng thời, vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng, đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với bị đơn; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với anh Mai Thế Đ. Theo kết quả xác minh của Công an phường T, thì anh Đ có địa chỉ tạm trú và đang thực thể sinh sống tại số E đường B, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc

không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều luật trên.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy đăng ký kết hôn số 10 ngày 04 tháng 5 năm 2023 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Thấy rằng, tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau: “*Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc chị T và anh Đ ly thân từ tháng 12/2024 đến nay, cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, bị đơn cũng không có sự chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Chị T và anh Đ không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị T và anh Đ ly hôn, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T trình bày, vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Mai Thế Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Mai Thế Đ

- Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn không có con chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008244 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân